TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40**/2025/DS-PT
Ngày: 08/8/2025
V/v: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**

ông **Đinh Phước Hoà**

- Thư ký phiên tòa: bà **Trịnh Thị Hằng**, Thẩm tra viên chính Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Lê Văn Thành**, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 324/TBTL-TA ngày 09 tháng 12 năm 2024 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 347/2025/QĐPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn Đ, xã N, tỉnh Quảng Trị); có mặt.

- Bị đơn: ông Nguyễn Quang T1, sinh năm 1990 và ông Nguyễn Quang L, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn Đ, xã N, tỉnh Quảng Trị); đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Nguyễn Quang L, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn Đ, xã N, tỉnh Quảng Trị). (Văn bản ủy quyền ngày 16/11/2023); vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1945 và bà Pham Thị T2, sinh năm 1945; cùng địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn Đ, xã N, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Diễm N, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn Đ, xã N, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C*, bà* Lê Thị Diễm N*:* ông Nguyễn Quang L, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn Đ, xã N, tỉnh Quảng Trị). (Văn bản ủy quyền ngày 20/11/2023); vắng mặt.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q; địa chỉ: số B H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q; địa chỉ: số B H, phường N, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt người đại diện.

Người kháng cáo: nguyên đơn ông Nguyễn Trường G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Trường G ***trình bày:***

Ngày 25/3/1999, hộ ông Nguyễn L1, bà Phạm Thị T3 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy CNQSD đất số L787395 gồm nhiều thửa, trong đó tại thửa số 160 tờ bản đồ số 7 có diện tích 798m^2 (Trong đó: 200m^2 đất ở, 598m^2 đất vườn). Do thay đổi bản đồ địa chính nên ngày 28/11/2016, hộ ông Nguyễn L1, bà Phạm Thị T3 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp đổi Giấy CNQSD đất nêu trên thành Giấy CNQSD đất số BX 278500, tại thửa 328, tờ bản đồ số 21 với diện tích 1.101m^2 (trong đó: 200m^2 đất ở, 901m^2 đất vườn).

Do có đơn gia hạn đối với sử dụng đất nông nghiệp nên ngày 04/10/2022, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T chỉnh lý trang 3 với nội dung: Tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp đến tháng 10/2066.

Ngày 03/3/2022, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T chỉnh lý trang 3 với nội dung: Để thừa kế cho ông Nguyễn L1. Sau đó, ông Nguyễn Lượng T4 cho ông Nguyễn Trường G nên ngày 27/4/2023, Sở TN&MT tỉnh Quảng Trị cấp Giấy CNQSD đất số DI 036221 cho ông Nguyễn Trường G tại thửa đất số 328, tờ bản đồ số 21 với diện tích 1.101m^2 (trong đó: 200m^2 đất ở, 901m^2 đất vườn).

Quá trình sử dụng đất, ông Nguyễn Quang L và Nguyễn Quang T1 đã xây dựng nhà lấn qua diện tích đất mà ông G đã được Sở TN&MT tỉnh Quảng Trị cấp Giấy CNQSD đất số DI 036221 khoảng 40m^2. Do đó, ông G khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Nguyễn Quang L, Nguyễn Quang T1 phải dở bỏ công trình xây dựng trả lại nguyên trạng diện tích đất lấn chiếm trên 40m^2.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xác định bị đơn ông Nguyễn Quang T1 và Nguyễn Quang L sử dụng và đã xây dựng công trình chồng lấn lên diện tích mà ông Nguyễn Trường G đã được cấp Giấy CNQSD đất là 49m^2, (trong đó diện tích có công trình xây dựng là 22,3m^2 và diện tích không có công trình xây dựng là 26,7m^2) nên ông G

yêu cầu bị đơn phải dở bỏ công trình xây dựng trả lại diện tích đất lấn chiếm là 49m^2.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Quang L***, ông*** Nguyễn Quang T1 ***trình bày:***

Ngày 31/5/2017, hộ ông Nguyễn Quang L được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy CNQSD đất số BX 833177, tại thửa đất số 353, tờ bản đồ số 21, diện tích 719m^2, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước. Nguồn gốc thửa đất là do trúng đấu giá quyền sử dụng đất do Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp tổ chức ngày 08/01/2014 với số tiền đấu trúng là 36 triệu đồng, diện tích được sử dụng là 610m^2.

Sau khi trúng đấu giá quyền sử dụng đất, ông L đã xây dựng nhà cửa, công trình nằm trong phạm vi đấu giá của Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp và còn chừa lại một khoảng trống giữa hai nhà, ranh giới là hàng tre hiện nay vẫn còn.

Bị đơn sử dụng đúng diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy CNQSD đất số BX 833177 nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra, vì cho rằng ngày 27/4/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy CNQSD đất số DI 036221 cho ông Nguyễn Trường G tại thửa đất số 328, tờ bản đồ số 21 với diện tích 1.101m^2 (trong đó: 200m^2 đất ở, 901m^2 đất vườn) là không đúng với thực tế sử dụng nên yêu cầu Tòa án hủy Giấy CNQSD đất số DI 036221 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho ông Nguyễn Trường G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Diễm N***, ông*** Nguyễn Văn C***, bà*** Pham Thị T2 ***có ý kiến:***

Ngày 31/5/2017, hộ ông Nguyễn Quang L được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy CNQSD đất số BX 833177, tại thửa đất số 353, tờ bản đồ số 21, diện tích 719m^2, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước. Thửa đất có nguồn gốc trúng đấu giá quyền sử dụng đất do Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp tổ chức ngày 08/01/2014.

Sau khi được cấp Giấy CNQSD đất, gia đình ông L, ông T1 đã xây dựng nhà cửa nhưng ông G không có ý kiến gì. Việc xây dựng nhà của bị đơn là đúng trên diện tích đã được cấp Giấy CNQSD đất. Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q***: Tại văn số 1373/STNMT-TTr ngày 11/4/2024, có ý kiến:***

Việc cấp Giấy CNQSD đất số DI 036221 cho ông Nguyễn Trường G tại thửa đất số 328, tờ bản đồ số 21 với diện tích 1.101m^2 là đúng theo quy định pháp luật.

Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc hủy Giấy CNQSD đất số DI 036221 do Sở TNMT cấp ngày 27/4/2023 cho ông Nguyễn Trường G.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 579 BLDS; khoản 4 Điều 49, khoản 2 Điều 52 Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 105, điểm b khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trường G.

Buộc ông Nguyễn Quang L, Nguyễn Quang T1 tháo dỡ các công trình trả lại diện tích đất cho ông Nguyễn Trường G, cụ thể: Ông Nguyễn Quang L, Nguyễn Quang T1 tháo dỡ bồn nước diện tích 0,5m^2; chuồng gia súc 1,7m^2 để trả lại diện tích đất lấn chiếm **49m^2** cho ông Nguyễn Trường G, trong đó: Ông Nguyễn Quang T1 phải trả lại cho ông G số tiền (0,7m^2 x 24.530đ/m^2 = 17.171 đồng); ông Nguyễn Quang L phải trả cho ông G số tiền 575.000 đồng ((14,7m^2 + 4,7m^2)x 24.530 đồng/m^2)).

Ông Nguyễn Quang L được quyền sử dụng 20.10m^2 đất có công trình xây dựng là nhà ở và nhà vệ sinh, nhà tắm và công trình xây dựng nhà ở của ông T1.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp đổi Giấy CNQSD đất theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc hủy Giấy CNQSD đất số DI 036221 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 27/4/2023 cho ông Nguyễn Trường G tại thửa đất số 328, tờ bản đồ số 21 với diện tích 1.101m^2.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quy định về chậm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 02/10/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Trường G kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại toàn bộ diện tích đất lấn chiếm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Kiểm sát viên tại phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Trường G; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của các đương sự và ý kiến của đại diện Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: ngày 02/10/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Trường G kháng cáo Bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét tính có căn cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 25/3/1999, hộ ông Nguyễn L1, bà Phạm Thị T3 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số L787395 gồm nhiều thửa (BL 87), trong đó có thửa đất số 160, tờ bản đồ số 7, diện tích 798m^2. Quá trình sử dụng đất, thửa đất số 160 nói trên được đo đạc, cấp đổi, chỉnh lý nhiều lần; cụ thể: từ năm 2012 đến năm 2013, thửa đất số 160, tờ bản đồ số 7, diện tích 798m^2 được đo đạc lại thành thửa số 304, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.101m^2, sau đó được cập nhật tại bản đồ địa chính năm 2014 là thửa số 328, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.101m^2. Ngày 26/3/2013, ông Nguyễn L1 có đơn xin cấp đổi GCNQSDĐ, nội dung đơn thể hiện xin cấp đổi đối với thửa đất số 160, tờ bản đồ số 7, diện tích 98m^2 thành thửa số 328, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.101m^2 kèm theo Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 08/3/2012 có xác định ranh giới tứ cận, trong đó phía Tây giáp đất lúa do Ủy ban nhân dân xã quản lý và các hộ sử dụng đất liên kề xác nhận (BL 89, 90). Năm 2016, hộ ông Nguyễn L1 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp đổi GCNQSDĐ số BX 278500, tại thửa 328, tờ bản đồ số 21 với diện tích 1.101m^2 (trong đó: 200m^2 đất ở, 901m^2 đất vườn). Ngày 04/10/2022 và ngày 03/3/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T lần lượt chỉnh lý trang 3 với nội dung: "*Tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp đến tháng 10/2066*" và "*Để thừa kế cho ông* Nguyễn L1...". Đến ngày 27/4/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp GCNQSDĐ số DI 036221 cho ông Nguyễn Trường G đối với thửa đất số 328, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.101m^2 (trong đó: 200m^2 đất ở, 901m^2 đất vườn) theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 27/3/2023 (BL 60).

Ngày 31/5/2017, Ủy ban nhân dân huyện T cấp GCNQSDĐ số BX 833177 cho hộ ông Nguyễn Quang L tại thửa đất số 353, tờ bản đồ số 21 với diện tích 719m^2, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa nước trên cơ sở việc ông L trúng đấu giá đất quy hoạch. Tại Biên bản về việc đấu giá đất quy hoạch của thôn ngày 08/01/2014 (BL 30 - 31) thể hiện ông L trúng đấu giá thửa đất (gọi là thửa ông Đ) với giá 36.000.000 đồng, diện tích 610m^2 đã trừ quy hoạch.

Xét thấy, diện tích ông Nguyễn Quang L được cấp GCNQSDĐ lớn hơn diện tích mà ông L trúng đấu giá đất. Thời điểm hộ ông Nguyễn L1 cấp đổi GCNQSDĐ được thực hiện trước khi ông L tham gia đấu giá đất và được cấp GCNQSDĐ; việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn L1 hoàn toàn dựa trên số liệu đo đạc từ năm 2012. Mặt khác, tại Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 08/3/2012 thì vị trí từ 5, 6,7, 1 không thể hiện có hàng rào tre nên không có

cơ sở khẳng định đất của ông L1 chồng lấn lên đất của ông L. Đồng thời, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện công trình xây dựng của ông L đã chồng lên ranh giới cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Trường G nên Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ông Nguyễn Quang T1 và ông Nguyễn Quang L đã sử dụng và xây dựng công trình chồng lấn lên diện tích mà ông Nguyễn Trường G đã được cấp GGCNQSDĐ để giải quyết vụ án là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Xét nội dung kháng cáo yêu cầu trả lại toàn bộ diện tích lấn chiếm của nguyên đơn:

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong (BL 77 - 79); Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị (BL 140 -144); kết quả đo đạc thể hiện tại Sơ đồ hiện trạng ranh giới sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh huyện T thực hiện ngày 29/02/2024 (BL 96); kết quả đo đạc thể hiện tại Sơ đồ khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q thực hiện ngày 10/7/2024 (BL 144a) thì thấy: trên thửa đất của ông Nguyễn Quang L có 02 ngôi nhà: ngôi nhà thứ nhất (vị trí số E) là nhà của ông Nguyễn Quang L xây dựng năm 2016 với diện tích 150m^2; ngôi nhà thứ 2 (vị trí số 6) là nhà của ông Nguyễn Quang T1 xây dựng năm 2016 với diện tích 150m^2. Ông Nguyễn Quang L và ông Nguyễn Quang T1 đã sử dụng và xây dựng công trình chồng lấn lên diện tích mà ông Nguyễn Trường G đã được cấp GCNQSDĐ là 49m^2; trong đó: Nguyễn Quang T1 đã xây dựng công trình 0,7m^2 (nhà ở 2 - vị trí E); ông Nguyễn Quang L đã xây dựng công trình 21,6m^2, gồm: nhà ở 1 là 14,7m^2 (vị trí D); chuồng gia súc 1,7m^2 (vị trí A); nhà tắm + nhà vệ sinh 4,7m^2 (vị trí B); bồn nước 0,5m^2 (vị trí C). Tuy nhiên, trong tổng diện tích 49m^2 xây dựng lấn chiếm nêu trên thì có 20,6m^2 công trình xây dựng là nhà ở, nhà vệ sinh và nhà tắm gắn liền với nhà ở; việc tháo dỡ các công trình này sẽ ảnh hưởng đến công năng sử dụng của ngôi nhà. Mặt khác, tại Biên bản định giá tài sản ngày 14/12/2023 (BL 81 - 82) và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/7/2024, các bên đương sự đều thống nhất sử dụng giá trị định giá của Hội đồng định giá trong giải quyết vụ án, không ai có ý kiến gì. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn ông Nguyễn Quang L, ông Nguyễn Quang T1 phải hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất tương ứng với diện tích 20,6m^2 công trình xây dựng đã lấn chiếm cho ông Nguyễn Trường G, trong đó, ông L đã lấn chiến 19,9m^2 (21,6m^2 x 24.530 đồng/m^2 = 529.848 đồng) và ông T1 lấn chiếm 0,7m^2 (0,7m^2 x 24.530 đồng/m^2 = 17.171 đồng); buộc ông Nguyễn Quang L phải tháo dỡ 1,7 m^2 phần diện tích chuồng gia súc (vị trí A) để trả lại diện tích đất cho ông Nguyễn Trường G là có căn cứ, hợp tình, hợp lý và đúng quy định pháp luật.

Như vậy, kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Trường G đã được Hội đồng xét xử xem xét nhưng không có cơ sở chấp nhận nên cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[3]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Nguyễn Trường G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Trường G; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn ông Nguyễn Trường G phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000182 ngày 01/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Ông G đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm; về thi hành án, chậm thi hành án được thi hành theo Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Kiên